TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 16/5/2019.
Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Tý.
2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Tổ L, thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. " Ông T và bà Th có mặt"

Bị đơn: Ông Huỳnh Công K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ Lx, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Ông K vắng mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Ông Q có đơn xin vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2018;bản khai ngày 09/7/2018, biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th thống nhất trình bày:

Ông Huỳnh Công K là bạn của con trai ông T, bà Th nên vào ngày 17/8/2014 vợ chồng ông T, bà Th có bán cho ông K một chiếc máy cày có rơ moóc với giá là

137.000.000đồng, do là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên hai bên không làm giấy tờ mua bán gì, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Vợ chồng ông T, bà Th đã giao máy cày và rơ moóc cho ông K và cho ông K nợ lại toàn bộ tiền mua máy cày, hai bên thống nhất thời hạn trả tiền như sau:

Lần thứ nhất là ngày 30/11/2014 ông K phải trả 70.000.000đồng;

Lần thứ hai ngày 10/02/2015 ông K phải trả số tiền là 67.000.000đồng.

Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận tiền lãi suất là 3%/tháng, tuy nhiên từ thời điểm mua bán máy cày cho đến nay thì ông K không trả khoản tiền nào cho vợ chồng ông T, bà Th mặc dù ông T, bà Th đã nhiều lần gặp ông K để đòi tiền nhưng không được.

Do ông K không trả tiền mua máy cày nên vợ chồng ông T đã nhờ Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện C can thiệp ngày 10/02/2015 và tại đây ông K đã ký giấy nhận nợ tiền về việc mua bán máy cày; chủ yếu là xác nhận việc ông K có nợ tiền mua máy cày của vợ chồng ông T, bà Th và ghi rõ lại nội dung thỏa thuận miệng việc mua bán ban đầu và ông K còn ghi chú thêm là hết tháng 5/2015 sẽ bán đất trả hết tiền nợ cho vợ chồng ông T, bà Th; còn tiền lãi thì hàng tháng trả 3.200.000đồng. Ngoài ra, ông K còn đưa cho vợ chồng ông T, bà Th một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 472578 do UBND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/02/2010 cho ông Lê Văn Nhã, bà Nguyễn Thị Kim Vũ đứng tên tại trang 1, ngày 27/5/2011 được chỉnh lý sang tên chuyển nhượng cho ông Huỳnh Công K tại trang thứ 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Còn tờ giấy mua, bán máy cày ghi ngày 17/8/2014 mà ông T, bà Th nộp cho Tòa là vợ chồng ông T, bà Th lập nhưng ông K không ký vào. Ông T, bà Th cam kết chữ ký "Kết" và chữ viết trong tờ giấy nhận nợ ngày 10/02/2015 là của ông K.

Nguồn gốc chiếc máy cày do vợ chồng ông T, bà Th mua lại vào năm 2012 của ông Võ Văn Q, sinh năm 1962, địa chỉ: Ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, huyện C với giá là 60.000.000đồng; loại máy cày nhãn hiệu MTZ 50, màu sơn đỏ do Liên Xô sản xuất. Sau khi mua thì ông T, bà Th sửa chữa lại khoảng 20.000.000đồng và mua thêm một rơ moóc (Thùng kéo tải) gắn vào với giá là 80.000.000đồng. Khi mua thì hai bên không làm giấy tờ mua bán gì và chiếc máy cày cũng không có giấy tờ gì.

Nay ông T, bà Th yêu cầu ông K phải trả cho vợ chồng ông T, bà Th số tiền mua máy cày có rờ mooc là 137.000.000đồng và tiền lãi suất là 10%/năm, tính từ tháng 8/2014 cho đến ngày 16/5/2019 là 64.503.500 đồng.

Sau khi ông K trả xong hết số tiền trên thì vợ chồng ông T, bà Th sẽ trả lại cho ông K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 472578 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/02/2010.

Ông T, bà Th xác nhận chỉ bán máy cày cho ông K, không liên quan đến vợ ông K nên chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông K trả tiền.

Bị đơn ông Huỳnh Công K vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 30/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông Huỳnh Công K đến Tòa án để làm việc, nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án và không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo xác minh tại Công an xã Hòa Hiệp, huyện C thì ông K có nơi cư trú tại Tổ 11, ấp Phú Tâm, xã Hòa Hiệp, huyện C nhưng bỏ địa phương đi, thỉnh thoảng mới về. Do không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông K nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông K và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Q trình bày:

Khoảng năm 2012, ông Võ Văn Q có bán cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th một chiếc máy cày nhãn hiệu MTZ 50, màu sơn đỏ, do Liên Xô sản xuất; khi bán chỉ có máy cày, không có rơ moóc kèm theo; với giá 60.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ mua bán; ông T, bà Th đã giao đủ tiền cho ông Q, đồng thời ông Q đã giao máy cày cho ông T, bà Th.

Về nguồn gốc chiếc máy cày trên do ông Q mua của người khác, nhưng do thời gian đã lâu nên không còn nhớ tên người đó là gì, địa chỉ cụ thể ở đâu. Chiếc máy cày không có giấy tờ gì.

Nay, ông T và bà Th khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công K trả tiền mua máy cày trên thì ông Q không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án. Ông Q xác định có bán máy cày trên cho ông T và bà Th, nhưng việc mua bán đã thực hiện xong. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài, chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng là chưa chấp hành pháp luật và vắng mặt tại hai phiên tòa sơ thẩm nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:*

Ông Huỳnh Công K có nơi cư trú tại Tổ Lx, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Công K trả 137.000.000 đồng tiền nợ do mua máy cày có rơ moóc và tiền lãi phát sinh. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn là ông Huỳnh Công K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 25/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 16/5/2019, ông Huỳnh Công K đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 12/3/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Công K và ông Võ Văn Q theo luật định.

[3]. *Về áp dụng luật:* Các bên đương sự thực hiện giao dịch mua bán tài sản vào năm 2014 nên áp dụng Bộ luật dân năm 2005 để giải quyết.

[4]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền mua máy cày 137.000.000 đồng:*

Căn cứ nội dung Giấy nhận nợ tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/02/2015 do ông K ký có nội dung xác nhận nợ gốc, đồng ý trả lãi và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xác định ngày 17/8/2014 ông Trần Văn T và vợ là bà Hoàng Thị Th bán cho ông Huỳnh Công K một chiếc máy cày có rơ moóc, với giá 137.000.000 đồng. Ông K chưa trả khoản tiền nào từ việc mua máy cày cho ông T, bà Th và còn nợ toàn bộ số tiền trên. Vì vậy, ông T và bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K có nghĩa vụ trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Huỳnh Công K nhiều lần đến Tòa án để làm việc, nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy xác nhận nợ ngày 10/02/2015, đồng thời ông K cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh mình không mua máy cày hoặc không nợ ông T, bà Th tiền mua máy cày. Do đó ông K đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[5]. *Về lãi suất:*

Nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Công K phải trả lãi 10%/năm của số tiền nợ mua máy cày 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) từ tháng 8/2014 đến ngày xét xử (ngày 16/5/2019):

Tại Giấy nhận nợ ngày 10/02/2015 có ghi lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà Th yêu cầu ông K trả lãi 10%/năm trên tổng số

tiền nợ. Xét thấy yêu cầu về mức lãi suất trên là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Xét việc ông T, bà Th yêu cầu tính lãi kể từ tháng 8/2014 đến ngày xét xử (ngày 16/5/2019), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 10/02/2015 và sự thừa nhận của ông T, bà Th thì thời hạn trả nợ lần thứ nhất là ngày 30/11/2014, theo đó ông K phải trả 70.000.000 đồng, do đó thời điểm tính lãi đối với số tiền 70.000.000 đồng kể từ ngày ông K vi phạm là ngày 01/12/2014. Thời hạn trả nợ lần thứ hai là ngày 10/02/2015, theo đó ông K phải trả 67.000.000 đồng, tuy nhiên hết thời hạn phải trả tiền lần thứ hai nhưng ông K không trả khoản nợ nào cho ông T và bà Th, nên thời điểm tính lãi cho toàn bộ số nợ 137.000.000 đồng kể từ ngày 11/02/2015.

Do vậy việc ông T, bà Th yêu cầu ông K phải trả lãi từ tháng 8/2014 đến ngày xét xử cho tổng số tiền nợ là chưa phù hợp nên cần tính lại như sau:

Tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 01/12/2014 đến ngày 10/02/2015 là: 70.000.000đ x 10%/năm x 02 tháng x 10 ngày = 1.361.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 137.000.000 đồng từ ngày 11/02/2015 đến ngày xét xử (16/5/2019) là:

137.000.000đ x 10%/năm x 04 năm x 03 tháng x 04 ngày = 58.377.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi: 1.361.000đ + 58.377.000đ = 59.738.000 đồng.

Do ông T và bà Th yêu cầu ông K phải trả lãi từ tháng 8/2018 đến ngày 16/5/2019 là 64.503.500 đồng, nên số tiền lãi không được chấp nhận là 4.765.500 đồng (64.503.500 đồng - 59.738.000 đồng). Ông T và bà Th phải chịu án phí có giá ngạch 300.000 đồng đối với số tiền không được chấp nhận.

Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi là:

137.000.000đ + 59.738.000đ = 196.738.000 đồng.

[6]. Căn cứ các Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th. Buộc ông Huỳnh Công K có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 196.738.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 137.000.000 đồng và nợ lãi là 59.738.000đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7]. *Đối với 01 (Một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 472578 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/02/2010 cho ông Lê Văn Nhã và bà Nguyễn Thị Kim Vũ đứng tên tại trang 1 (Tại trang thứ 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có ghi nhận nội dung thay đổi và cơ sở*

pháp lý: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Công K, sinh năm 1978, thường trú ấp Phú Tâm, xã Hòa Hiệp, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hồ sơ số 000675):

Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do ông Huỳnh Công K giao cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th để làm tin do nợ tiền mua máy cày của ông T và bà Th chưa có tiền trả, không phải là thế chấp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ngay khi ông K trả xong nợ cho ông T, bà Th thì ông T, bà Th phải trả lại cho ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

[8]. *Về án phí:* Buộc ông Huỳnh Công K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định; cụ thể: 196.738.000 đồng x 5% = 9.836.900 đồng.

Ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 300.000đồng về yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận. Trả lại cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th số tiền tạm ứng án phí là 4.764.000 đồng.

[9]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th đối với bị đơn ông Huỳnh Công K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Huỳnh Công K có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 196.738.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và nợ lãi là 59.738.000đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ngay khi ông Huỳnh Công K trả xong nợ cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th thì ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Công K 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 472578 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/02/2010 cho ông Lê Văn Nhã và bà Nguyễn Thị Kim Vũ đứng tên tại trang 1 (Tại trang thứ 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có ghi nhận nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý như sau: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Công K, sinh năm 1978, thường trú ấp Phú Tâm, xã Hòa Hiệp, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hồ sơ số 000675).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Công K phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 9.836.900 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

- Ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.064.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007681 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trả lại cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th số tiền tạm ứng án phí là 4.764.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy